

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: anh Bùi Đình K; ĐKKHKT: Thôn L, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, hiện tại đang chấp hành án tại Trại tạm giam Kim Chi, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Đình K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 09/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của

vợ chồng hạnh phúc được mấy năm đầu đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn tới cuộc sống không có hạnh phúc. Chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng hai bên không cải thiện được mà vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Sau đó anh K bị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 12 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Hiện anh K đang bị giam tại Trại tạm giam Kim Chi, tỉnh Hải Dương. Do mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể khắc phục mâu thuẫn tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình K.

Về con chung: Chị và anh Bùi Đình K có hai con chung là Bùi Thị Mai L, sinh ngày 12/4/2010 và Bùi Phúc L, sinh ngày 26/4/2018. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04 tháng 4 năm 2022 anh Bùi Đình K trình bày:

Anh và chị Trần Thị T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt anh 12 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, hiện anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Kim Chi, Hải Dương. Việc chị T xin ly hôn anh có quan điểm đồng ý ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục đoàn tụ. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Trần Thị T ly hôn để chị T ổn định cuộc sống nuôi con.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị T có 02 con chung là Bùi Thị Mai L, sinh ngày 12/4/2010 và Bùi Phúc L, sinh ngày 26/4/2018. Anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81,

82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Bùi Đình K. Về con chung: Giao hai con chung Bùi Thị Mai L, sinh ngày 12/4/2010 và Bùi Phúc L, sinh ngày 26/4/2018 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Đình K có ĐKKHKT: Thôn L, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc vắng mặt của chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K: Tại phiên tòa chị T, anh K đều vắng mặt nhưng có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân mấy năm nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Năm 2021, anh K vi phạm pháp luật, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 12 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, hiện anh K đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Kim Chi, Hải Dương. Mâu thuẫn được gia đình can thiệp hòa giải nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ và đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh Khánh là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K ly hôn.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K có hai con chung là Bùi Thị Mai L, sinh ngày 12/4/2010 và Bùi Phúc L, sinh ngày 26/4/2018. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh K có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly

hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Bùi Thị Mai L, Bùi Phúc L cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết, sau này các bên có tranh chấp về cấp dưỡng con chung sau ly hôn, Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Bùi Đình K.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Mai L, sinh ngày 12/4/2010 và Bùi Phúc L, sinh ngày 26/4/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K không yêu cầu, Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K không yêu cầu, Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp (Biên lai thu tiền số 0004110 ngày 08 tháng 3 năm 2022)

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Bùi Đình K được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đại Bản (ĐKKH số 08/2008, ngày 09/01/2008);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Đồng (Nơi ĐKKH);
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương